

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN
NĂM HỌC: 2023 - 2024

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm			
				Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			278	19	6.83	135	48.56	122	43.88	2	0.72	186	66.91	88	31.65	4	1.44	0	0	0	0	19	6.83
1	Khối 6		124	7	5.65	65	52.42	50	40.32	2	1.61	80	64.52	43	34.68	1	0.81	0	0	0	0	7	5.65
1.1	6A	Hoàng Thị Khuyên	42	6	14.29	31	73.81	5	11.9	0	0	37	88.1	5	11.9	0	0	0	0	0	0	6	14.29
1.2	6B	Đoàn Thúy Mơ	42	0	0	19	45.24	23	54.76	0	0	22	52.38	20	47.62	0	0	0	0	0	0	0	0
1.3	6C	Phạm Thị Hoàng Yến	40	1	2.5	15	37.5	22	55	2	5	21	52.5	18	45	1	2.5	0	0	0	0	1	2.5
2	Khối 7		74	6	8.11	32	43.24	36	48.65	0	0	52	70.27	21	28.38	1	1.35	0	0	0	0	6	8.11
2.1	7A	Đinh Thị Phượng	38	4	10.53	15	39.47	19	50	0	0	28	73.68	10	26.32	0	0	0	0	0	0	4	10.53
2.2	7B	Nguyễn Thị Hồng Phượng	36	2	5.56	17	47.22	17	47.22	0	0	24	66.67	11	30.56	1	2.78	0	0	0	0	2	5.56
3	Khối 8		80	6	7.5	38	47.5	36	45	0	0	54	67.5	24	30	2	2.5	0	0	0	0	6	7.5
3.1	8A	Đặng Thị Huyền	39	3	7.69	16	41.03	20	51.28	0	0	28	71.79	10	25.64	1	2.56	0	0	0	0	3	7.69
3.2	8B	Ngô Thị Thanh Thủy	41	3	7.32	22	53.66	16	39.02	0	0	26	63.41	14	34.15	1	2.44	0	0	0	0	3	7.32

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

Thị xã Quảng Yên, ngày 31 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Mai